TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/DS-ST
Ngày: 19-02-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện

2. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng

Thư ký phiên toà: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 703/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T2 (tên cũ: Công ty TNHH MTV T3); địa chỉ: Tầng A, Tháp B, khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc khu chức năng số 1- số A, đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Mai Quốc K, sinh năm 1998; bà Nguyễn Hoàng Như P, sinh năm 2000; cùng địa chỉ: Số C, đường V, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 14/10/2024). Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nhâm Thị Ngọc T, sinh năm 1991; địa chỉ: Số B, khu phố Đ, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Mai Quốc K trình bày:

Công ty T2 (sau đây gọi tắt là Công ty T2) và bà Nhâm Thị Ngọc T ký hợp đồng cho vay số 101452334 ngày 11/7/2023. Vào ngày 11/7/2023 Công ty T2 đã giải ngân số tiền 57.000.000 đồng cho bà Nhâm Thị Ngọc T.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặc dù Công ty T2 nhiều lần liên hệ tạo điều kiện cho bà T thanh toán, nhưng bà T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T2.

Nay, nguyên đơn khởi kiện buộc bà Nhâm Thị Ngọc T phải thanh toán cho Công ty T2 số tiền tính đến ngày 19/02/2025 là: 97.801.098 đồng (trong đó nợ gốc 57.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 32.772.214 đồng; nợ lãi quá hạn 8.028.884 đồng).

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy chứng nhận đăng ký hoạt động; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy ủy quyền; hợp đồng cho vay; cam kết nhận khoản vay và yêu cầu giải ngân; bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay; phát hành thẻ tín dụng vay; bản chi tiết các giao dịch vay; bản kê chi tiết nợ gốc và lãi phát sinh; Điều lệ.

- Bị đơn bà Nhâm Thị Ngọc T đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng T không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Công ty T2 (sau đây gọi tắt là Công ty T2) khởi kiện yêu cầu bà Nhâm Thị Ngọc T; địa chỉ: Số B, khu phố Đ, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng cho vay số 101452334 ngày 11/07/2023 và cam kết nhận khoản vay và yêu cầu giải ngân ngày 11/07/2023. Xét, đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn, Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét Hợp đồng cho vay số 101452334 ngày 11/7/2023 giữa Công ty T2 với bà Nhâm Thị Ngọc T đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Cùng ngày, Công ty T2 đã giải ngân cho bà Nhâm Thị Ngọc T số tiền 57.000.000 đồng (trong đó bà T phải nộp phí bảo hiểm 2.242.000 đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho nguyên đơn. Do, bà T vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty T2. Do đó, Công ty T2 khởi kiện yêu cầu bà Nhâm Thị Ngọc T phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến hết ngày 19/02/2025 tổng số tiền là 97.801.098 đồng, trong đó: Nợ gốc là 57.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 32.772.214 đồng; nợ lãi quá hạn là 8.028.884 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 20/02/2025 cho đến khi bà T trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 101452334 ngày 11/7/2023 được ký kết giữa Công ty T2 với bà Nhâm Thị Ngọc T.

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 đối với bà Nhâm Thị Ngọc T.

[6] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An về nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91, 94, 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Khoản 1 Điều 6, khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 đối với bị đơn bà Nhâm Thị Ngọc T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Nhâm Thị Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T2 số tiền 97.801.098 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 57.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 32.772.214 đồng; nợ lãi quá

hạn là 8.028.884 đồng).

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 20/02/2025 cho đến khi bà T trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 101452334 ngày 11/7/2023 được ký kết giữa Công ty T2 với bà Nhâm Thị Ngọc T cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

2. Về án phí: Bà Nhâm Thị Ngọc T phải chịu 4.890.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty T2 số tiền 2.151.498 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005453 ngày 18/11/2024 (do ông Phạm Mai Quốc K nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi thời hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bạch T1